

## CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TS. Võ Hùng Dũng<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gọi tắt là PCI (province competitiveness index) nhằm đánh giá chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền địa phương cấp tỉnh là chương trình hợp tác giữa Phòng TM và CN Việt Nam với Dự án..

Kể từ lần công bố đầu tiên năm 2005 đến nay, các tỉnh trong vùng ĐBSCL đã tham gia đầy đủ và đã đạt được kết quả hết sức ấn tượng. Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2010 ghi nhận lần đầu tiên các tỉnh trong vùng ĐBSCL đều xếp vào nhóm từ khá đến rất tốt, không có tỉnh thứ hạng trung bình trở xuống. Trong 10 tỉnh dẫn đầu thì ĐBSCL có đến 5 tỉnh.

Bài viết này phân tích ý nghĩa và tác động của PCI đến nhận thức ở cấp lãnh đạo địa phương và những nỗ lực thay đổi hình ảnh địa phương qua cải thiện môi trường kinh doanh tác động đến điểm số và thứ hạng. Những nỗ lực liên tục trong nhiều năm qua đã được bù đắp, nhưng vẫn còn đó những băn khoăn về công việc sắp tới là làm gì và làm thế nào để phát huy những kết quả đạt được.

### ABSTRACT

The Provincial Competitiveness Index (PCI), that assesses the effectiveness of economic governance in provinces, has been cooperated by the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) and U.S Agency for International Development's Vietnam Competitiveness Initiative (USAID/VNCI).

Since the first launch of PCI in 2005, Mekong Delta's provinces have attended annually and got many significant results. In the PCI 2010 report, all provinces of Mekong Delta have ranked above average-group including five in top 10 leading provinces.

This article analyzes the efficient and impact of PCI on the awareness of local leaders and efforts to build the provincial images by improving the business environment that increases the score and rank. In several years, the continuous efforts of provinces in Mekong Delta got good results. Whether these results continuously enhance in the next few years!

Recognition and assessment on the achievement of one province not only base on the PCI score but also consider to the employment and the prosperous.

Building the provincial images is a long and patient process.

### GIỚI THIỆU

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gọi tắt là PCI lần đầu tiên được công bố vào năm 2005, lúc đó chỉ có 42 tỉnh trong cả nước tham gia. Hai tỉnh trong vùng ĐBSCL không có trong danh sách xếp

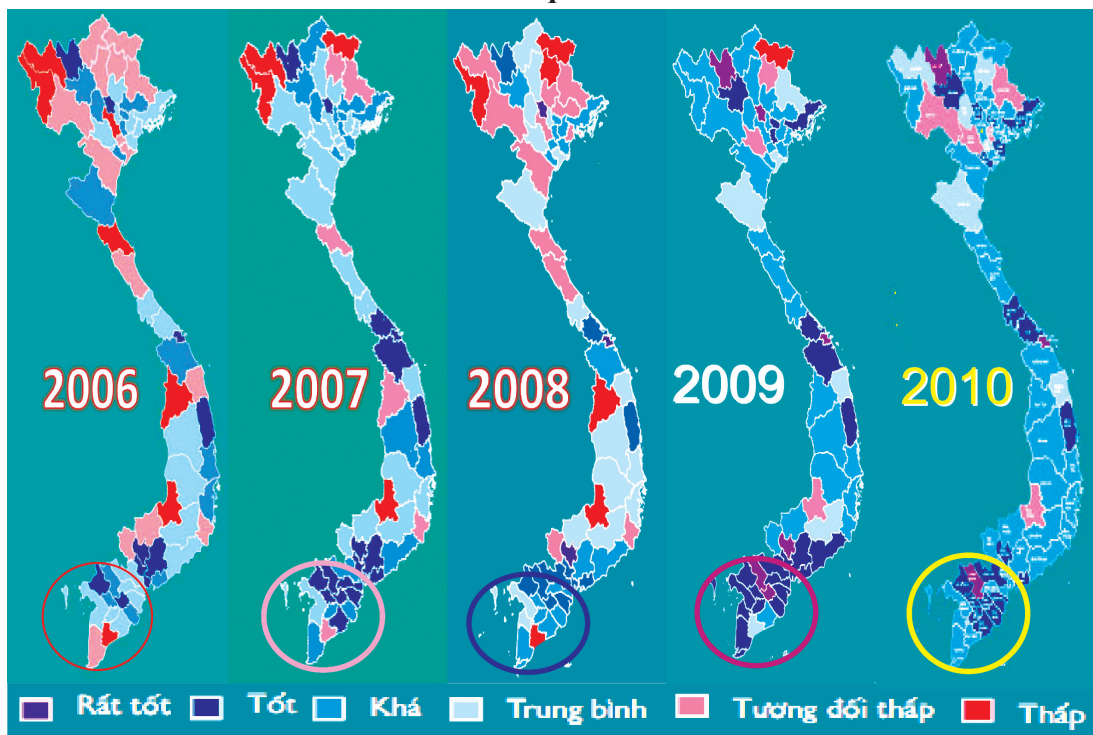
hạng là Bạc Liêu và Cà Mau do số DN tham gia không đủ. Từ năm 2006 trở đi ĐBSCL đã tham gia đầy đủ và tăng dần trong các bảng xếp hạng.

Nếu như năm 2006 không có tỉnh nào ở ĐBSCL nằm trong top rất tốt, thì

<sup>1</sup>Giám đốc VCCI Cần Thơ

năm 2009 có 2 tỉnh nằm trong nhóm này. năm 2009 không còn tỉnh nào nằm trong  
 Nếu như năm 2006 cho đến 2008, ĐBSCL nhóm này.  
 còn có tỉnh nằm trong nhóm thấp thì đến

**Hình 1: Diễn biến PCI qua các năm từ 2006-2010**



Nguồn: Báo cáo PCI các năm 2006, 2007, 2008, 2009 và 2010

Năm 2010 khá đặc biệt với ĐBSCL thứ hạng trung bình trở xuống. Trong 10  
 khi lần đầu tiên tất cả 13 tỉnh, TP đều xếp tỉnh dẫn đầu thì ĐBSCL có đến 5 tỉnh, nếu  
 vào nhóm khá đến rất tốt, không có tỉnh là 15 tỉnh dẫn đầu thì ĐBSCL có 8 tỉnh.

**Bảng 1: Kết quả thứ hạng PCI các tỉnh ĐBSCL từ 2006-2010**

Thứ hạng	2006	2007	2008	2009	2010	Thay đổi thứ hạng 2006-2010
Đồng Tháp	11	9	5	4	3	8
Tiền Giang	33	12	21	9	24	9
Long An	39	21	6	12	12	27
Cần Thơ	10	17	22	21	13	-3
Cà Mau	57	29	18	22	51	6
Vĩnh Long	4	3	4	5	9	-5
Bến Tre	26	14	7	15	10	16
Kiên Giang	36	39	35	19	27	9
Trà Vinh	13	28	25	17	4	9
Hậu Giang	31	19	24	13	8	23
An Giang	9	6	9	20	14	-5
Bạc Liêu	58	60	62	59	30	28
Sóc Trăng	19	11	29	41	17	2

Nguồn: Dữ liệu PCI qua các năm từ website [www.pcivietnam.org](http://www.pcivietnam.org)

### **PCI mang lại cái gì?**

Kể từ khi công bố lần đầu vào năm 2005, cho đến nhiều năm sau đó, nhiều địa phương vẫn tự hỏi PCI là cái gì? Và nó mang lại lợi ích gì cho địa phương? Việc một tỉnh bị xếp ở thứ hạng thấp, hay cao có làm cho lãnh đạo của tỉnh đó phương hại, hay có thêm lợi ích gì không?

PCI, tên viết tắt của Province Competitive Index, được gọi là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, bắt nguồn từ các khảo sát nghiên cứu về thực tiễn tốt trong điều hành của chính quyền địa phương. Sự mở rộng nghiên cứu này là việc tìm cách đo lường năng lực điều hành qua các chỉ số. Trong mỗi chỉ số như vậy có nhiều tiêu chí cơ bản, gọi là chỉ số thành phần. Trong lần công bố đầu tiên năm 2005 nó bao gồm 10 chỉ số với 65 chỉ số thành phần. Năm sau đó giảm xuống còn 9 chỉ số. Và mặc dù vẫn giữ nguyên 9 chỉ số này nhưng nội hàm của một số chỉ số cũng thay đổi.

PCI được xác định từ kết quả điều tra doanh nghiệp, ghi nhận phản ứng của doanh nghiệp đối với công tác lãnh đạo, điều hành của chính quyền địa phương (cấp tỉnh) trong năm. Chính quyền có thể nhìn vào đánh giá đó, cảm nhận được nhìn nhận của xã hội, của người khác đối với mình. Những người khác này là những đối tượng bị tác động bởi các quyết định của chính quyền, bởi hành vi của công chức, nó không chỉ mang tính khách quan, mà còn dễ gây sốc với những ai vốn quen với những lời khen về mình.

Nhưng nó lại hết sức cần thiết với những nhà lãnh đạo mong muốn đổi mới và biết dựa vào hệ thống kiểm tra giám sát gián tiếp. Cấp lãnh đạo có thể nhìn vào những đánh giá đó để xem xét công tác lãnh đạo, chỉ đạo của mình đã được thực hiện như thế nào bởi bộ máy của mình để có những chỉ đạo, điều chỉnh thích hợp. Thực tế trong thời gian qua ở đâu mà lãnh

đạo chính quyền có nhiệt tâm, có mong muốn phát triển, có quyết tâm cải thiện thì nơi đó được doanh nghiệp đánh giá cao.

Một môi trường kinh doanh tốt chắc chắn sẽ có nhiều DN ra đời, có nhiều đầu tư mới. Ngay tại những tỉnh mà điều kiện về cơ sở hạ tầng yếu kém, nhưng có được môi trường kinh doanh tốt hơn, lãnh đạo địa phương nhiệt tình, bộ máy năng động thì số doanh nghiệp bắt đầu tăng lên và tình hình đầu tư được cải thiện.

#### *Hình ảnh địa phương*

Với những tỉnh ít có điều kiện quảng bá giới thiệu về mình thì việc cải thiện được thứ hạng là dịp để nhiều người biết đến. Các nhà đầu tư chắc chắn cũng quan tâm theo dõi, doanh nghiệp tại địa phương cũng hết sức quan tâm. Bảng xếp hạng của PCI mang lại hình ảnh địa phương tích cực cũng có, mà tiêu cực cũng có nhưng yếu tố tích cực nhiều hơn. Những tỉnh có thứ hạng thấp với nỗ lực thay đổi, khi đã thay đổi được thì hình ảnh tích cực với công chúng cũng trở nên hấp dẫn.

PCI mang lại tính hấp dẫn thu hút các nhà lãnh đạo năng động, những người mong muốn đổi mới, thay đổi và phát triển sẽ có cơ hội thực hiện những nỗ lực của mình. Vào lúc đầu PCI dường như tạo nên áp lực với cấp chính quyền địa phương. Nhưng khi được nuôi dưỡng nó sẽ trở thành yếu tố bên trong, là động lực của các cải cách. Lúc đó PCI sẽ không cần thiết.

Từ lâu chúng ta quen với các lý thuyết kinh tế tăng trưởng dựa vào các nhân tố đầu vào như đất đai, lao động, tiền vốn. Đặc biệt là vốn đầu tư trở thành khát khao ở mọi cấp. Những yếu tố đầu vào đó là cần thiết, nhưng để làm thế nào sử dụng chúng có hiệu quả thì cần phải có thể chế tốt cho môi trường kinh doanh năng động.

Thể chế tác động đến các hoạt động kinh doanh ở mọi cấp, mọi nơi. Nơi nào, thể chế tốt, môi trường kinh doanh tốt, DN phát triển, nền kinh tế phát triển. Thể chế

không tốt, môi trường kinh doanh xấu đi, DN không phát triển, năng lực cạnh tranh suy giảm nên kinh tế không thể phát triển, thậm chí còn tụt lại.

Nền kinh tế phát triển càng đi vào chiều sâu thì vấn đề thể chế, môi trường kinh doanh càng trở nên quan trọng. Năng lực cạnh tranh quyết định sự phát triển bền vững của quốc gia.

### Từ PCI nhìn lại nền kinh tế ĐBSCL

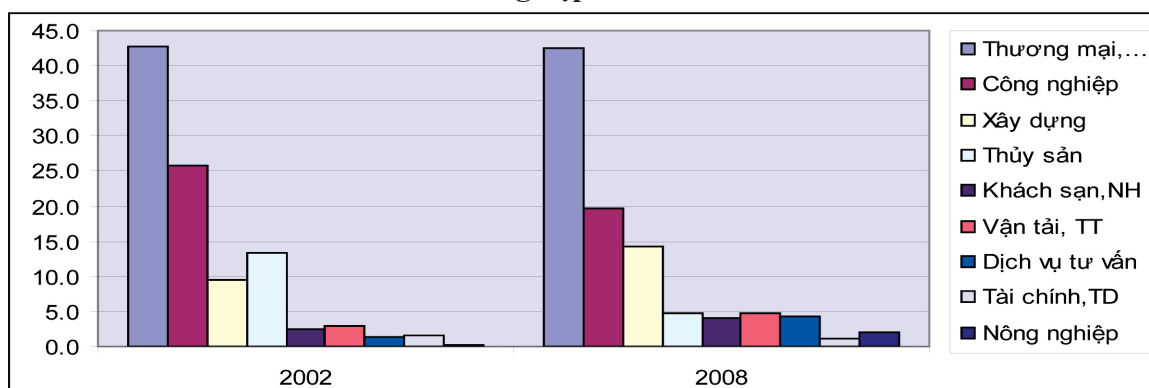
ĐBSCL chiếm khoảng 12% diện tích và 20% dân số cả nước. Với nông nghiệp, ĐBSCL chiếm hơn 1/3 sản lượng, với công nghiệp ĐBSCL chỉ chiếm 10% (tính theo giá trị sản xuất), với thương mại bán lẻ, ĐBSCL chiếm gần 20%.

Trong cơ cấu kinh tế của vùng, nông nghiệp (và thủy sản) chiếm hơn 40%, công nghiệp và xây dựng vào khoảng 25%, còn

lại là dịch vụ với tỉ lệ trên dưới 33%. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế diễn ra khá nhanh từ sau năm 2000 đến nay: khu vực I giảm 15%, khu vực II tăng hơn 8% và khu vực III gần 7%. Tuy nhiên, tỉ lệ dân số sống ở đô thị chỉ đạt 23%, thấp hơn khá xa so với mức trung bình của cả nước là 30%.

Số lượng doanh nghiệp trong vùng ước tính hiện nay có trên 50 nghìn doanh nghiệp (số liệu đăng ký kinh doanh). Số liệu do cơ quan Thống kê cung cấp đến năm 2008, toàn vùng có 21.425 doanh nghiệp, chiếm 10,5% tổng số doanh nghiệp cả nước. Trong đó 42% nằm trong lĩnh vực thương mại, 20% trong lĩnh vực công nghiệp, 15% trong ngành xây dựng, 5% trong ngành thủy sản, khách sạn nhà hàng 4%, vận tải và thông tin liên lạc 5%, số doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính tín dụng chỉ chiếm 1,1%, nông nghiệp 2%.

**Hình 2: Cấu trúc doanh nghiệp ở ĐBSCL năm 2002 và 2008**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Điều tra doanh nghiệp năm 2006 và 2008

Tỉ lệ tăng trung bình hàng năm của doanh nghiệp từ 2000 đến 2008 là 10%, chưa bằng 1/2 tỉ lệ tăng trung bình của cả nước (22% năm). Năm 2008, số DN của vùng tăng 22% thì cả nước tăng 32%. Tính trên một vạn dân thì trung bình cả nước có 242 doanh nghiệp, ĐBSCL chỉ có 125 DN (số liệu năm 2008).

Hầu hết các doanh nghiệp ở ĐBSCL là doanh nghiệp nhỏ. Có trên 93% số doanh nghiệp có qui mô dưới 10 tỉ đồng. Trong đó số doanh nghiệp qui mô từ 0,5 tỉ đến dưới 5 tỉ chiếm gần 70%. 98% số doanh nghiệp có qui mô sử dụng lao động

dưới 300. Trong đó dưới 50 lao động chiếm 92%.

Sự phát triển yếu kém của doanh nghiệp vùng phản ánh tình trạng cơ cấu kinh tế: nông nghiệp chiếm tỉ lệ lớn và đô thị nhỏ bé.

### Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở ĐBSCL

Số liệu FDI từ 1988 đến 2010 của toàn vùng là 9,83 tỉ USD, chỉ bằng 4,6% tổng FDI (vốn đăng ký) cả nước. Hơn 1/3 trong số này tập trung ở Long An, gần Tp.HCM, hơn 1/3 ở Kiên Giang có huyện đảo Phú Quốc, thành phố Cần



Thơ, thủ phủ của vùng chỉ chừng 10%, 15% còn lại cho 10 tỉnh.

FDI năm 2010 của vùng có 77 dự án với số vốn đăng ký 1,68 tỉ USD thì Long An 29 dự án với 590 triệu USD; Cà Mau 1

dự án với 773 triệu USD, Cần Thơ 4 dự án với 41 triệu USD<sup>2</sup>. Số FDI cả vùng cũng chưa bằng một địa phương như Đà Nẵng, hay Hải Phòng, cũng là những thành phố trực thuộc trung ương như Tp Cần Thơ.

**Bảng 2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở ĐBSCL**

Triệu USD	1988-2009			2006	2007	2008	2009	2010		
	Số Dự án	Tổng VĐT	Tỷ Trọng	Tổng VĐT	Tổng VĐT	Tổng VĐT	Tổng VĐT	Số Dự án	Tổng VĐT	Tỷ Trọng
Cả nước	12575	194430	100	12004	21348	64011	23107	969	17230	
<b>ĐBSCL</b>	<b>580</b>	<b>8150</b>	<b>4.19</b>	<b>337.8</b>	<b>1742.9</b>	<b>3818.6</b>	<b>213.8</b>	<b>77</b>	<b>1683.1</b>	<b>9.8</b>
So cả nước	4.6	4.2	4.2	2.8	8.2	6.0	0.9			
Long An	321	3001.9	36.8	274.0	816.5	929.2	113.0	29	592.14	35.2
Tiền Giang	29	367.5	4.5	10.1	127.2	14.0	35.5	14	129.00	7.7
Bến Tre	18	149.9	1.8	19.9	68.8	7.5	12.5	7	23.89	1.4
Trà Vinh	23	95.6	1.2	14	5.5	17.0	14.8	7	39.13	2.3
Vĩnh Long	16	85.9	1.1	4.4	16		8.6	3	1.75	0.1
Đồng Tháp	20	45.1	0.6	2.0	25.2		0.7			0.0
An Giang	14	29.5	0.4	0.3		2.0		5	65.35	3.9
Kiên Giang	25	2815.5	34.5			2304.0	10.5	4	17.41	1.0
Cần Thơ	76	816	10.0	2.4	28.6	540.1	13.9	5	41.12	2.4
Hậu Giang	7	632	7.8	0.7	629		1.2			0.0
Sóc Trăng	7	42.3	0.5		19.3	4.7		1	0.16	0.0
Bạc Liêu	13	47.8	0.6	9.0	1.8		3.0	1	0.16	0.0
Cà Mau	11	21.0	0.3	1.0	5.0	0.1		1	773.00	45.9

*Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê hàng năm*

Hai trở ngại chính trong thu hút FDI thường được nhắc tới là cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông và nguồn nhân lực.

Về giao thông, mặc dù đã có nhiều cải thiện nhưng cũng phải đến tháng 4 năm vừa rồi (năm 2010) cầu Cần Thơ mới đưa vào sử dụng, sân bay Cần Thơ vẫn với

đường bay nội địa 2 chuyên một ngày với Hà Nội. Tàu biển có trọng tải trên 3.000 tấn vẫn chưa thể vào được Cần Thơ.

Chi phí vận tải cao là trở ngại đối với các doanh nghiệp. Điều tra PCI năm 2009 cho biết tỉ lệ đường được rải nhựa của vùng này thấp thứ 2 cả nước, chỉ hơn miền núi

<sup>2</sup>Tiền Giang 14 dự án với 129 triệu USD; An Giang 5 dự án với 65 triệu USD; Trà Vinh 7 dự án với 39 triệu USD; Bến Tre 7 dự án với 24 triệu USD; Kiên Giang 4 dự án với 17,4 triệu USD

phía Bắc, thấp hơn cả Tây Nguyên. Giá điện trung bình thì cao hơn cả nước, cao hơn vùng Đồng bằng sông Hồng gần 3%.

Về nguồn nhân lực, ĐBSCL từ lâu đã được xem là vùng “trũng” khi xem xét các số liệu đào tạo, dạy nghề và học vấn. Điều tra PCI năm 2010 đưa ra một so sánh số lượng học viên tốt nghiệp qua trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo ở ĐBSCL là 1% so với cả nước là 3,3%. Số lao động tốt nghiệp trung học cơ sở/ tổng số lao động ở ĐBSCL là 6%, của cả nước là 8,65%.

Trong thu hút đầu tư nước ngoài, các tỉnh thường có xu hướng gia tăng các ưu

đãi. Hình thức phổ biến nhất là thuê và đất đai. Hầu như không có tỉnh nào thừa nhận là mình có cơ chế ưu đãi riêng để thu hút đầu tư nằm ngoài các quy định chung của chính phủ. Nhưng trên thực tế thì tỉnh nào cũng có ban hành quyết định ở cấp địa phương nhằm ưu đãi đầu tư.

Nếu chỉ một vài tỉnh có cơ chế ưu đãi đầu tư thì có tác dụng ít nhiều ở tỉnh đó so với những tỉnh khác, nhưng tất cả đều làm như vậy thì đã trở lại tình trạng ban đầu. Nhà đầu tư là những người hưởng lợi, nhưng thu hút có được nhiều đầu tư hơn hay không lại là việc khác.

**Bảng 3: Yếu tố quyết định lựa chọn quốc gia đầu tư**

10 yếu tố tác động lớn nhất					
Yếu tố	Quan trọng nhất	Quan trọng thứ hai	Quan trọng thứ ba	Tổng	Tính theo trọng số
Chi phí lao động	108	85	79	272	573
Ưu đãi về thuế, đất đai đầu tư	75	93	65	233	476
Sẵn có các khu công nghiệp	62	32	35	129	285
Chất lượng lao động	32	58	45	135	257
Chất lượng cơ sở hạ tầng	40	35	49	124	239
Ổn định chính trị	39	34	38	111	223
Sẵn có nguồn nguyên liệu, dịch vụ trung gian	27	35	17	79	168
Quy mô thị trường nội địa	31	27	18	76	165
Sức mua của người tiêu dùng	27	15	26	68	137
Chi phí của nguồn nguyên liệu và dịch vụ trung gian	10	30	31	71	121

*Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu Chính sách – USAID/VNCI, số 15, PCI năm 2010*

Trong 10 yếu tố tác động mạnh nhất đến quyết định lựa chọn quốc gia đầu tư của doanh nghiệp FDI thì 5 yếu tố đầu thuộc về chi phí lao động, ưu đãi về thuế và đất, sự ổn định về chính trị, chất lượng lao động và chi phí của nguồn nguyên liệu và dịch vụ trung gian.

Như vậy ưu đãi đầu tư là một trong những yếu tố hàng đầu mà nhà đầu tư nước ngoài đã vào VN quan tâm. Nhưng từ điều tra, doanh nghiệp FDI đang làm ăn ở VN, chỉ là những doanh nghiệp qui mô nhỏ trên thị trường thế giới. Điều tra cũng chỉ ra rằng trong tổng số đó có đến

67% hoạt động trong những ngành có giá trị gia tăng thấp, chỉ có 13,5% được coi là hoạt động trong ngành có đầu tư công nghệ cao. Doanh nghiệp FDI cũng ít chọn doanh nghiệp VN làm thầu phụ. Có đến 54% hàng hóa, dịch vụ trung gian mua ngoài VN.

Ưu đãi đầu tư trong cuộc chạy đua như vậy rất dễ tạo ra cơ cấu méo mó và chỉ thu hút những công ty qui mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, không có sức lan tỏa cho nền kinh tế trong nước.

Điều lưu ý các số liệu điều tra nói trên là các doanh nghiệp FDI hiện đang hoạt động. Các doanh nghiệp FDI tương lai như thế nào, nhu cầu ra sao có thể sẽ khác. Dự báo trong thời gian tới sẽ có dòng đầu tư mới, các doanh nghiệp FDI tiếp theo mà xu hướng sử dụng công nghệ cao sẽ gia tăng.

Trong 5 yếu tố hàng đầu mà doanh nghiệp FDI hiện tại quan tâm thì yếu tố về lao động đã chiếm đến 2 (chi phí lao động và chất lượng lao động) cho thấy nguồn nhân lực (tính sẵn có và chất lượng) có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhưng đây lại là điểm yếu, rất yếu của vùng ĐBSCL. Những yếu tố khác như qui mô thị trường, sức mua, chi phí của nguồn nguyên liệu và dịch vụ trung gian, sự sẵn có của các khu công nghiệp liên quan đến cấu trúc kinh tế, cơ sở hạ tầng cũng là những điểm kém hấp dẫn ở ĐBSCL.

Khi hỏi doanh nghiệp FDI về việc khi chọn địa điểm đầu tư thì danh sách các tỉnh ĐBSCL mà họ từng cân nhắc là Long An (28 DN), Cần Thơ (18 DN). Khi hỏi các doanh nghiệp VN về kế hoạch mở rộng kinh doanh sang tỉnh thành phố khác thì số doanh nghiệp trả lời Cần Thơ 55, Long An 36, Vĩnh Long 36, Hậu Giang 29 đó là những tỉnh gần Tp HCM hoặc gần sát với Tp Cần Thơ.

Như vậy trong tương lai để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp ĐBSCL

phải có những giải pháp hữu hiệu trong giải quyết bài toán nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng. Trong khi cơ sở hạ tầng giao thông đang được đầu tư và sẽ có sự cải thiện đáng kể trong vòng 5-7 năm tới thì vấn đề chất lượng nguồn nhân lực dường như khó nhìn thấy sự thay đổi.

Cải thiện được năng lực cạnh tranh của địa phương trong vùng qua các cuộc điều tra PCI hàng năm cũng là cách mà các tỉnh trong vùng xây dựng hình ảnh, giới thiệu địa phương mình với các nhà đầu tư, đây là địa chỉ tin cậy. Nhưng điểm số của điều tra PCI có điểm yếu là sự đánh giá của doanh nghiệp tại chính địa phương của mình. Những địa phương có số doanh nghiệp ít, qui mô doanh nghiệp nhỏ rất dễ hài lòng với một số cải cách, thay đổi tại địa phương mình và dễ dàng đánh giá cao. Nếu thay đổi phương pháp đánh giá, cho điểm. Chẳng hạn lấy thêm ý kiến chuyên gia, sử dụng nhiều hơn các dữ liệu cứng, thêm ý kiến từ nhà đầu tư bên ngoài thì kết quả có thể sẽ thay đổi.

Nói điều này là nhằm khuyến khích các tỉnh nỗ lực hơn trong cải thiện môi trường kinh doanh từ chiều sâu. Cải thiện môi trường đầu tư phải là động lực từ bên trong của chính địa phương nhằm mục tiêu phát triển kinh tế trong dài hạn, chứ không phải là những biện pháp nhất thời nhằm thay đổi thứ hạng trong bảng xếp hạng PCI.

Kết quả của PCI về thực chất phải được đánh giá bởi sự phát triển của doanh nghiệp, thu hút đầu tư, giải quyết công ăn việc làm và nền kinh tế địa phương phải khởi sắc.